

## BA NẮC THANG PHÁT TRIỂN LÝ THUYẾT VỀ VỊ THẾ VÀ VAI TRÒ CỦA CON NGƯỜI TRONG CẤU TRÚC XÃ HỘI

Lê Ngọc Hùng\*

*Bài viết đặt mục đích làm rõ những nấc thang phát triển lý luận về vị thế và vai trò của con người trong cấu trúc xã hội. Đó là lý thuyết hành vi xã hội về vị thế và vai trò của Ralph Linton; Lý thuyết hệ thống xã hội về cấu trúc và vai trò của Talcott Parsons và Lý thuyết trung gian về vai trò – tập hợp của Robert Merton. Trên cơ sở làm rõ ba nấc thang phát triển lý thuyết về vị thế và vai trò con người trong xã hội, tác giả còn gợi lên một số suy nghĩ về việc vận dụng các lý thuyết này vào nghiên cứu ở Việt Nam.*

### Đặt vấn đề

Xem xét một số ấn phẩm khoa học xã hội của các tác giả Việt Nam có thể phát hiện ra những điều đáng chú ý về khái niệm vị thế như sau: Thứ nhất, hiện nay đang có ít nhất ba khái niệm liên quan với nhau là “vị thế xã hội”, “địa vị xã hội” và “vị trí xã hội”. Tuy cùng sử dụng khái niệm vị trí xã hội để định nghĩa hai khái niệm kia, nhưng một số tác giả này chủ trương sử dụng khái niệm địa vị xã hội, một số tác giả khác sử dụng khái niệm vị thế xã hội và một số khác nữa thì sử dụng cả hai khái niệm này tương đương nhau. Thứ hai, mặc dù không ít tác giả ghi nhận Ralph Linton là người có công đưa ra khái niệm vị thế xã hội và vai trò xã hội nhưng lý thuyết của Linton chưa được giới thiệu đầy đủ và vì vậy có thể đã dẫn đến việc lẫn lộn các cách tiếp cận và tùy tiện đưa ra các cách phân loại vị thế xã hội và vai trò xã hội. Thứ ba,

một số tác giả Việt Nam đã viện dẫn Linton và giới thiệu một số quan niệm của Parsons và Merton nhưng không đặt ra mục đích phân tích những đóng góp của các tác giả này đối với lý luận về vị thế và vai trò. Những điều này dẫn đến một tình cảnh tiến thoái lưỡng nan giữa lý luận và thực tiễn, ví dụ, một số nghiên cứu thực nghiệm xã hội học ở Việt Nam đã vận dụng có thể nói là rất linh hoạt cái gọi là lý thuyết vị thế - vai trò mà không xác định rõ nội hàm của lý thuyết đó là gì, trong khi lại định nghĩa những khái niệm nghiên cứu một cách máy móc theo kiểu tra cứu từ điển tiếng Việt hoặc theo cách hiểu thường ngày. Trước tình hình đó, bài viết này đặt ra mục đích phân tích lý thuyết của Linton, Parsons và Merton; qua đó góp phần làm rõ những nấc thang phát triển lý luận về vị thế và vai trò của con người trong cấu trúc xã hội, đồng thời gợi một số suy nghĩ và vận dụng trong nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam hiện nay.

---

\* PGS, TS.; Viện Xã hội học. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

### 1. Lý thuyết hành vi xã hội của Ralph Linton về vị thế - vai trò

Nhà nhân học Ralph Linton (1893-1953) đã có công đầu trong việc xác định nội dung xã hội học của khái niệm vị thế và vai trò. Trong cuốn sách *Nghiên cứu về con người* (1936) ông định nghĩa vị thế là vị trí đối cực trong khuôn mẫu của hành vi tương tác<sup>1</sup>. Vị thế được hiểu theo hai nghĩa: theo một nghĩa trừu tượng, một vị thế là một vị trí trong một khuôn mẫu tương tác nhất định. Theo nghĩa này một người hay một nhóm người có nhiều vị thế do tham gia nhiều khuôn mẫu hành vi. Theo một nghĩa cụ thể, vị thế của một người là tập hợp tất cả các vị thế mà người đó nắm giữ trong các mối tương tác xã hội. Do đó, theo hai nghĩa này, vị thế cụ thể xác định vị trí của một người trong những mối tương tác xã hội với những người khác và vị thế tổng hợp xác định vị trí của người đó trong mối quan hệ với tổng thể xã hội.

Từ góc độ hành vi luận, vị thế là tập hợp các quyền và trách nhiệm mà người nắm giữ vị thế đó phải thực hiện. Tuy nhiên, khái niệm vị thế chủ yếu nói đến xuất phát điểm của hành vi chứ chưa nói đến mặt hoạt động của nó. Khái niệm vai trò mới nói đến mặt động thái của hành vi: khi một người thực hiện quyền và trách nhiệm của vị thế thì khi đó người này thực hiện vai trò. Nói cách khác, vai trò là hành vi của người nắm giữ vị thế mà hành vi đó hướng vào việc đáp ứng những kỳ vọng của người khác về quyền và trách nhiệm gắn với vị thế. Theo

Linton, trong nghiên cứu khoa học có thể tách biệt vị thế và vai trò nhưng trên thực tế vị thế và vai trò gắn liền với nhau<sup>2</sup> đến mức rất khó tách biệt ví dụ vị thế giám đốc gắn liền với vai trò giám đốc, vị thế người lái xe gắn liền với vai trò lái xe.

Do vị thế có thể được hiểu theo nghĩa cụ thể và nghĩa trừu tượng nên vai trò cũng được hiểu theo hai nghĩa tương tự: theo nghĩa này một người phải thực hiện nhiều vai trò cụ thể tương ứng với những vị thế cụ thể mà người đó chiếm giữ. Nhưng theo một nghĩa khác, vai trò của một người là tổng hợp các vai trò mà người đó thực hiện, nhờ vậy mà vai trò của một người sẽ xác định người đó làm gì cho xã hội và có thể mong chờ gì ở xã hội. Với quan niệm như vậy, các cá nhân và nhóm người thông qua vị thế và vai trò gắn kết với nhau và gắn kết với toàn bộ xã hội của họ. Do đó, các cá nhân trong xã hội càng học hỏi và thực hiện đúng vị thế và vai trò của họ bao nhiêu thì xã hội càng vận hành một cách trật tự và hài hoà bấy nhiêu.

Linton đã có công đầu trong việc đưa ra cách phân loại vị thế gán cho và vị thế giành được dựa trên cơ chế xuất hiện vị thế. Theo Linton, vị thế gán cho là những vị thế được giao cho các cá nhân mà không phụ thuộc vào sự nỗ lực của họ<sup>3</sup>, tức là họ không cần phải mất công sức cũng được gán cho những vị thế nhất định trong xã hội. Những vị thế gán cho cá nhân là những vị thế có sẵn theo cơ chế di truyền, bẩm sinh do các yếu tố tự nhiên hoặc xuất hiện một cách tự động do các yếu tố xã hội. Trong khi đó, vị thế

<sup>1</sup> Ralph Linton. *Statuses and Roles: Explain Social Behavior*. Trong Lynn Barteck and Karen Mullin. *Enduring Issues in Sociology*. CA : San Diego. Greenhaven Press, Inc. 1995. tr. 101.

<sup>2</sup> Ralph Linton. *Sđđ*. tr. 102.

<sup>3</sup> Ralph Linton. *Sđđ*. tr. 103.

giành được là những vị thế đòi hỏi những năng lực, phẩm chất và nỗ lực nhất định để giành lấy trong quá trình tương tác xã hội. Theo Linton, phần lớn các vị thế của con người là vị thế có sẵn với nghĩa là được xã hội gán cho các cá nhân căn cứ vào những yếu tố nhất định được chọn làm những căn cứ nền tảng<sup>4</sup>. Ví dụ, giới tính, tuổi, dân tộc, nguồn gốc gia đình là những căn cứ mà dựa vào đó nhiều vị thế xã hội được gán cho các cá nhân. Tuy nhiên, trong xã hội có vô số các vị thế để các cá nhân có thể giành được bằng các nỗ lực hoạt động của họ.

Tóm lại, quan niệm của Linton cho thấy bằng cách nào hay cơ chế nào mà xã hội quy định hành vi của con người: đó là, con người luôn phải thực hiện những vai trò tương ứng với vị thế gán cho hay giành được từ xã hội. Trong cấu trúc xã hội đã có những vị thế có sẵn để gán cho các cá nhân, nhóm người và có những vị thế có sẵn nhưng con người phải đầu tư công sức, thời gian và các nguồn lực mới có thể giành được. Như vậy, cấu trúc xã hội không đơn giản áp đặt vai trò lên con người và con người cũng không thụ động chờ đợi xã hội ban phát hay gán cho những vị thế nhất định. Mà, theo Linton, con người có thể tích cực, chủ động tham gia vào các quan hệ với xã hội và bằng những nỗ lực của mình để giành lấy những vị thế không gán cho họ. Tuy nhiên, Linton chưa nói đến một điều cơ bản và rất quan trọng là con người có khả năng biến đổi các vị thế đang có trong xã hội và có khả năng sáng tạo ra những vị thế mới, vai trò mới cho xã hội, bằng cách đó con người có thể biến đổi các

mối tương tác xã hội và toàn bộ cấu trúc xã hội mà họ là thành viên.

## 2. Lý thuyết hệ thống xã hội về cấu trúc vai trò của Talcott Parsons

Bộ khung lý thuyết hệ thống xã hội<sup>5</sup> về cấu trúc vai trò được Talcott Parsons (1902-1979) phác họa và kiểm chứng qua phân tích trường hợp thực hành y tế trong cuốn sách *Hệ thống xã hội* xuất bản năm 1951. Theo đường hướng phân tích tĩnh học xã hội và động học xã hội mà Comte đã khởi xướng và Linton đã triển khai trong thuyết hành vi về vị thế và vai trò, Parsons cũng xem xét sự tham gia của mỗi một nhân vật trong hệ thống xã hội trên hai phương diện. Một là phương diện vị trí tức là mặt tĩnh tại, đó là nơi mà một nhân vật “định vị” vị trí của mình trong mối liên hệ với các nhân vật khác trong hệ thống xã hội. Parsons gọi đó là “vị thế xã hội”. Hai là phương diện quá trình tức là mặt động thái: đó là những gì mà một nhân vật thực hiện trong mối liên hệ với các nhân vật khác trong bối cảnh có ý nghĩa chức năng đối với hệ thống xã hội. Parsons gọi đó là “vai trò” xã hội và gọi hệ thống các vai trò xã hội khác nhau là hệ thống xã hội theo nghĩa hẹp<sup>6</sup>. Tương tự có thể hiểu cấu trúc xã hội là cấu trúc vai trò.

Parsons cho rằng sự phân biệt vị thế và vai trò có mối liên quan sâu sắc tới mối tương tác hai chiều trong đó mỗi một nhân vật hay một người vừa là khách thể

<sup>5</sup> Về lý thuyết hệ thống xã hội của Talcott Parsons và những đóng góp của ông đối với xã hội học, đọc thêm: Lê Ngọc Hùng. *Lịch sử & Lý thuyết xã hội học*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội. 2008. tr. 227-239.

<sup>6</sup> Talcott Parsons. *The Social System*. 2<sup>nd</sup> Edition. Illinois. Glencoe: The Free Press. 1952. tr. 114.

<sup>4</sup> Ralph Linton. *Sđd.* tr. 103-104.

(tức là vị thế) của sự định hướng đối với nhân vật khác hay người khác và vừa là đối tượng được định hướng (tức là vai trò) từ phía các nhân vật khác hay người khác. Như vậy, vị thế và vai trò không phải là thuộc tính của hệ thống xã hội mà là hai mặt của mỗi một đơn vị của hệ thống xã hội (*units of social system*).

Theo Parsons, cấu trúc xã hội của hệ thống xã hội bao gồm bốn đơn vị của hệ thống xã hội. Đơn vị thứ nhất của hệ thống xã hội là hành động xã hội do một người thực hiện và được định hướng vào một hoặc nhiều người khác như là khách thể của hành động. Đơn vị thứ hai của hệ thống xã hội là tập hợp vị thế - vai trò với tư cách là một tiểu hệ thống có tổ chức của các hành động của một hay nhiều người đang nắm giữ những vị thế tương tác và hành động theo một định hướng tương tác nhất định. Đơn vị thứ ba của hệ thống xã hội là bản thân nhân vật với tư cách là một hệ thống của các vị thế và vai trò được gắn với họ như là một khách thể xã hội và như là một tác giả của một hệ thống các hành động vai trò. Đơn vị thứ tư của hệ thống xã hội là một tập thể với tư cách vừa là nhân vật vừa là khách thể. Như vậy, tập hợp vị thế - vai trò vừa là hệ thống hành động của cá nhân vừa là hệ thống hành động của tập thể và cấu trúc xã hội được phân tích trên cấp độ của bốn đơn vị của hệ thống xã hội<sup>7</sup>.

Có thể hình dung vị thế là mặt động thái và vai trò là mặt tĩnh tại của một đơn vị của hệ thống xã hội mà trong hệ thống đó mặt tĩnh tại tức vị thế được xác định trong mối tương tác với những người khác và trả lời cho câu hỏi: người đó

đứng ở vị trí nào trong mối liên hệ với người khác và trong mối liên hệ với cả hệ thống. Mặt động thái là vai trò giúp trả lời câu hỏi: một người phải làm gì để tương ứng với vị thế của người đó trong hệ thống xã hội nhất định. Parsons áp dụng cách phân loại của Linton và cho rằng các cá nhân thực hiện vai trò giành được và vai trò gán cho trong mối quan hệ vai trò nhằm đáp ứng các kỳ vọng vai trò.

Parsons đưa ra một bộ khung lý luận hay một hệ biến vị (*paradigm* hay bộ máy khái niệm) gồm năm cặp khái niệm để nhấn mạnh các chiều cạnh quan hệ của cấu trúc vai trò của hệ thống xã hội. Các cặp khái niệm này được gọi là các biến khuôn mẫu của nội hàm khái niệm vai trò hay các biến định hình vai trò. Có thể coi mỗi cặp khái niệm là một song đề mà mỗi cách lựa chọn sẽ tạo ra một đặc trưng của vai trò nhất định. Các biến khuôn mẫu của vai trò gồm năm cặp khái niệm đối cực sau đây<sup>8</sup>: (1) “tính dễ xúc động đối lập với tính trung lập” (*Affectivity vs. Affective Neutrality*); (2) “Định hướng bản thân - định hướng tập thể” (*Self-Orientation vs. Collectivity-Oriented*); (3) tính phổ biến - tính đặc thù” (*Universalism vs. Particularism*); (4) “đạt được - gán cho” (*Achievement vs. Ascription*); (5) “định rõ - khuếch tán” (*Specificity vs. Diffuseness*).

Để làm rõ những luận điểm về cấu trúc vai trò của hệ thống xã hội, Parsons đã dành hẳn một chương sách nói trên cho phân tích trường hợp thực hành y tế hiện đại trong xã hội ngày nay<sup>9</sup>. Cấu trúc

<sup>7</sup> Talcott Parsons. *Sđđ*. tr. 26.

<sup>8</sup> Talcott Parsons. *Sđđ*. tr. 67.

<sup>9</sup> Talcott Parsons. *Sđđ*. tr. 428-479.

xã hội điển hình nhất, đặc trưng nhất và đơn giản nhất của hệ thống chăm sóc sức khoẻ trong xã hội hiện đại là cấu trúc vai trò gồm vai trò của nhân viên y tế (mà điển hình là bác sỹ) và vai trò của người bệnh (bệnh nhân). Theo phương pháp phân tích khái niệm loại hình lý tưởng mà Weber đã nêu ra, Parsons tập trung vào phân tích cấu trúc vai trò này để làm rõ bộ khung lý thuyết về các biến định hình vai trò của hệ thống xã hội và bỏ qua nhiều chi tiết phức tạp về cấu trúc tổ chức và các quá trình như tuyển chọn, đào tạo, quản lý của hệ thống y tế<sup>10</sup>.

Trong xã hội hiện đại, vai trò của bác sỹ có tính chất phổ biến với nghĩa là ở đâu bác sỹ cũng có chức năng nghề nghiệp là cứu chữa người bệnh bằng chuyên môn kỹ thuật một cách vô tư không thiên vị đối với người bệnh. Khác với vai trò của doanh nhân thường định hướng vào lợi ích của cá nhân, vai trò của bác sỹ định hướng vào lợi ích tập thể với nghĩa là bác sỹ có nghĩa vụ và trách nhiệm đặt lợi ích của người bệnh lên trên lợi ích cá nhân mà không vì động cơ lợi nhuận.

Tình trạng “bị ốm đau” thuộc một loại vai trò xã hội bởi vì người bệnh được xã hội kỳ vọng phải thực hiện những hành vi, hoạt động theo những khuôn mẫu nhất định có thể xác định rõ theo các cặp biến khuôn mẫu của vai trò như sau<sup>11</sup>: khi bị ốm đau người bệnh được xã hội miễn cho trách nhiệm phải thực hiện những vai trò xã hội của người khoẻ mạnh, ví dụ được nghỉ ở nhà không phải đi làm việc, và có quyền đòi hỏi “sự quan tâm, chăm sóc”

đồng thời có trách nhiệm phải cố gắng để hồi phục sức khoẻ thông qua việc hợp tác với bác sỹ để được hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật trong quá trình chữa trị. Như vậy, mối quan hệ bác sỹ - người bệnh được quy định bởi các biến khuôn mẫu của vai trò.

Parsons xem xét kỹ tình huống của người bệnh và cho biết rằng<sup>12</sup>: theo định nghĩa đã được thiết chế hoá về vai trò ốm đau thì người bệnh rơi vào tình trạng khó khăn với nghĩa là không đủ khả năng để hoạt động bình thường và do đó cần phải hỗ trợ. Nhưng người bệnh, trong xã hội hiện đại, không tìm kiếm bất kỳ một sự hỗ trợ nào từ bất kỳ ai mà tìm sự hỗ trợ về mặt chuyên môn y tế tức là từ những người được đào tạo có trình độ chuyên môn về chăm sóc sức khoẻ. Mặc dù người bệnh thường trải qua tình trạng bị xóc vào giai đoạn đầu và lo lắng cho tình trạng sức khoẻ, nhưng nhìn chung người bệnh được xã hội kỳ vọng vào việc bày tỏ thái độ theo hướng tích cực là “mọi chuyện rồi sẽ ổn”.

Tuy nhiên, từ tình huống của người bệnh với các đặc trưng về vai trò nêu trên nảy sinh hai vấn đề: một là người bệnh có nguy cơ bị bóc lột, một điều rất khó tưởng tượng được nhưng vẫn có thể xảy ra khi người bệnh đang trong tình trạng ốm đau, lo lắng và cần được giúp đỡ bằng bất kỳ giá nào. Hai là người bệnh có thể sẵn sàng thực hiện những hành vi, hoạt động duy lý và phi lý, tức là vừa sẵn sàng làm theo lời chỉ dẫn của bác sỹ vừa sẵn sàng làm những việc khó tin kiểu như “có bệnh thì vái tứ phương”. Do đó, vai trò của người bệnh thể hiện và hình thành

<sup>10</sup> Talcott Parsons. *Sđd.* tr. 428-429.

<sup>11</sup> Talcott Parsons. *Sđd.* tr. 436.

<sup>12</sup> Talcott Parsons. *Sđd.* tr. 439-447.

không chỉ trong mối quan hệ với bác sỹ mà còn trong các mối quan hệ với những người thân xung quanh và cả những người có liên quan. Tất cả những điều này tạo thành cấu trúc xã hội gồm các vai trò khác nhau xoay quanh trục quan hệ bệnh nhân – bác sỹ.

Tình huống vai trò của bác sỹ xoay quanh trách nhiệm cơ bản của họ là phải nỗ lực chữa trị bệnh và phục hồi sức khoẻ cho người bệnh. “Phải làm mọi thứ có thể được” cho người bệnh là một vai trò được thiết chế hoá thành kỳ vọng của xã hội tức là của mọi người xung quanh đối với bác sỹ<sup>13</sup>. Vai trò này được thực hiện theo những khuôn mẫu nhất định nhưng cũng không tránh khỏi những vấn đề chức năng của hệ thống cấu trúc vai trò. Đó là những vấn đề lưỡng nan, ví dụ: nếu không quan tâm những chuyện riêng tư của người bệnh thì khó có thể phát hiện ra nguyên nhân của bệnh mà quan tâm thì dễ bị xúc cảm chi phối, một ví dụ khác là vấn đề đảm bảo bí mật riêng tư. Hơn nữa, mối quan hệ giữa bác sỹ và bệnh nhân không đơn thuần là quan hệ chuyên môn kỹ thuật mà là mối quan hệ giữa người với người trong khung cảnh xã hội nhất định.

Để đối phó với những vấn đề chức năng như vậy, cấu trúc vai trò của mối quan hệ bác sỹ - bệnh nhân được xác định bởi các biến khuôn mẫu đã nêu với trọng tâm là việc áp dụng tri thức khoa học bởi những người được đào tạo chuyên ngành chăm sóc sức khoẻ. Việc thực hiện vai trò “làm mọi thứ có thể được” cho người bệnh theo cách phổ biến, chuyên môn, trung lập, được xác định rõ ràng và vì lợi ích tập thể, chứ

không phải vì lợi ích cá nhân của bác sỹ là cơ chế tốt nhất giúp bác sỹ giải quyết vấn đề lưỡng nan nêu trên<sup>14</sup>: bác sỹ có thể xâm nhập vào đời sống riêng tư của người bệnh một cách vừa đủ để đảm bảo thực hiện vai trò của mình và bảo vệ được bản thân khỏi những rắc rối có thể xảy ra liên quan tới mối quan hệ bác sỹ - bệnh nhân. Khuôn mẫu hành vi hướng vào lợi ích tập thể của bác sỹ được thiết chế hoá nhằm giải quyết những vấn đề chức năng của hệ thống xã hội, chứ không phải là vấn đề lợi ích cá nhân mặc dù bác sỹ được trả tiền để hành nghề<sup>15</sup>.

Nhìn chung, việc thiết chế hoá các vai trò của bác sỹ - bệnh nhân là một yêu cầu chức năng để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các vai trò đó. Việc người bệnh phải thực hiện những vai trò được thiết chế hoá là điều kiện cần để bác sỹ có thể thực hiện được tốt nhất những vai trò được thiết chế hoá của bác sỹ. Đồng thời, việc bác sỹ thực hiện vai trò của mình theo cách phổ biến, vô tư, chuyên nghiệp và định hướng vào lợi ích tập thể là cần thiết để người bệnh chấp nhận những gì mà bác sỹ phải làm đối với họ. Như vậy, hệ thống y tế có một loại cấu trúc rất đặc biệt<sup>16</sup>: cấu trúc vai trò “kép”, vai trò “hai mặt”: một là vai trò của người bệnh và hai là vai trò của bác sỹ. Qua phân tích cấu trúc vai trò này, Parsons còn phân biệt và chỉ rõ sự chuyển hoá trong cấu

<sup>14</sup> Talcott Parsons. *Sđd.* tr. 459.

<sup>15</sup> Điều này giải thích tại sao y tế được coi là một trong các dịch vụ xã hội cơ bản của xã hội hiện đại, mà không ai nói kinh doanh là dịch vụ xã hội.

<sup>16</sup> Một điều đặc biệt là cấu trúc vai trò này đã có những cơ chế kiểm soát xã hội làm cho những người bệnh không tạo thành nhóm xã hội và không có vị thế hợp thức của một hệ thống xã hội. Xem Talcott Parsons. *Sđd.* tr. 477.

<sup>13</sup> Talcott Parsons. *Sđd.* tr. 450.

trúc vai trò như sau: vai trò ốm đau (*sick role*) là vai trò của người bệnh tiềm năng, còn vai trò của người bệnh (*the role of patient*) là vai trò thực tế của người phải tiếp nhận các dịch vụ từ phía bác sỹ chuyên nghiệp<sup>17</sup>.

Như vậy là, khác với thuyết hành vi về vị thế và vai trò của Linton, có thể gọi thuyết cấu trúc vai trò của Parsons là thuyết hệ thống xã hội về cấu trúc vai trò bởi vì Parsons phát triển thuyết này từ phương pháp tiếp cận hệ thống xã hội. Thoạt nhìn có thể thấy sự khác biệt rất lớn sau đây: nếu Linton xác định nội dung khái niệm vị thế và vai trò trong mỗi tương tác xã hội thì Parsons mở rộng khái niệm vị thế và vai trò trong hệ thống xã hội. Nhưng thực ra, sự khác nhau chủ yếu ở quy mô hay cấp độ phân tích bởi vì theo Parsons, hệ thống xã hội là hệ thống các quá trình tương tác giữa các nhân vật (*actor*). Hệ thống xã hội là hệ thống các mối liên hệ giữa các nhân vật tham gia quá trình tương tác<sup>18</sup>. Linton phân tích khái niệm vị thế và vai trò để trả lời câu hỏi về hành vi xã hội: tại sao trong mỗi tương tác với người khác con người hành động như thế này mà không phải như thế kia. Parsons đã phân tích cấu trúc vai trò trong trường hợp thực hành y tế hiện đại để làm rõ khái niệm cấu trúc xã hội và hệ thống xã hội. Qua đó có thể thấy Parsons đã kế thừa và phát triển thuyết hành vi về vị thế và vai trò của Linton như thế nào trong xã hội học hiện đại.

### 3. Lý thuyết trung gian về vai trò - tập hợp của Robert Merton

Các ý tưởng về lý thuyết trung gian

được Robert Merton (1910-2003)<sup>19</sup> nêu ra năm 1947 và được ông áp dụng để đưa ra lý thuyết về vai trò-tập hợp trong bài viết đăng trên tạp chí *The British Journal of Sociology* năm 1957. Trong tập sách bàn về xã hội học lý thuyết xuất bản lần thứ ba năm 1967, Merton đã phân tích thuyết vai trò-tập hợp (*role-set*, còn gọi là hệ vai trò) để làm rõ quan niệm của ông về lý thuyết trung gian trong xã hội học. Theo Merton, thuyết vai trò-tập hợp thuộc loại lý thuyết cấp trung gian tức là thuộc nhóm những lý thuyết nằm ở vị trí giữa những giả thuyết nghiên cứu và những nỗ lực to lớn có tính hệ thống hướng tới việc xây dựng một lý thuyết thống nhất<sup>20</sup>. Thuyết vai trò-tập hợp xuất phát từ câu hỏi nghiên cứu là: vị thế xã hội được hình thành như thế nào trong một cấu trúc xã hội<sup>21</sup>. Thuyết này ra đời khi thuyết hành vi về vị thế - vai trò do Linton đề xuất đã trở nên phổ biến trong xã hội học. Thuyết vai trò-tập hợp của Merton khác với thuyết vị thế-vai trò của Linton ở một chi tiết nhỏ nhưng rất quan trọng sau đây: theo Linton, một cá nhân trong xã hội tất yếu nắm giữ nhiều vị thế và mỗi một vị thế có một vai trò kèm theo<sup>22</sup>, nhưng theo Merton, mỗi một vị thế đòi hỏi không chỉ một vai trò mà hàng loạt vai trò mà ông gọi là vai trò-tập hợp (*role-set*)<sup>23</sup>. Merton nêu ví dụ: một người có vị thế là sinh viên y khoa thường đóng một loạt vai trò khi quan hệ với giáo viên, sinh viên khác, bác sỹ, y

<sup>17</sup> Talcott Parsons. *Sđđ*. tr. 476.

<sup>18</sup> Talcott Parsons. *Sđđ*. tr.25.

<sup>19</sup> Lê Ngọc Hùng. *Lịch sử & Lý thuyết xã hội học*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội. 2008. tr. 239-249.

<sup>20</sup> Robert K. Merton. *On Theoretical Sociology: Five essays, old and new*. New York: The Free Press. 1967. *Sđđ*. tr. 39.

<sup>21</sup> Robert K. Merton. *Sđđ*. tr. 41.

<sup>22</sup> Robert K. Merton. *Sđđ*. tr. 41.

<sup>23</sup> Robert K. Merton. *Sđđ*. tr. 42.

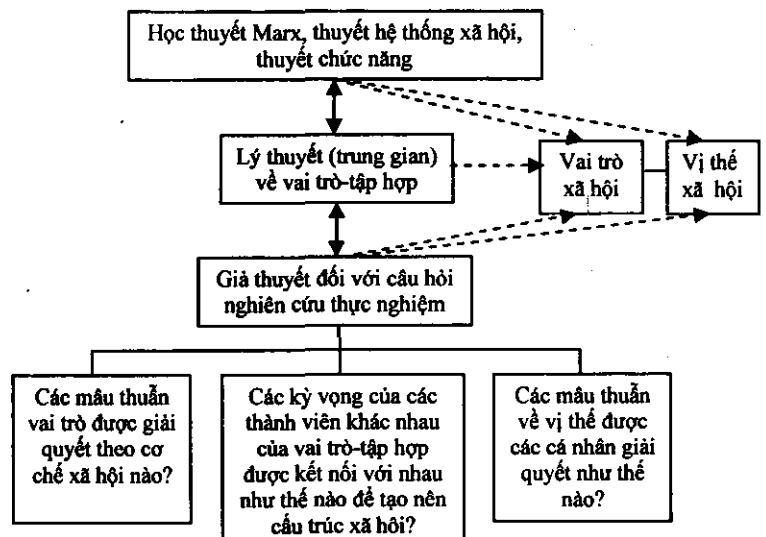
tá, kỹ thuật viên và nhiều người khác, tức là các vai trò - tập hợp tương ứng với vị thế sinh viên y khoa. Vị thế giáo viên có vai trò - tập hợp thể hiện trong mỗi gắn kết giáo viên không chỉ với học sinh mà với đồng nghiệp, hiệu trưởng, hội đồng giáo dục và các tổ chức khác<sup>24</sup>.

Merton phân biệt vai trò - tập hợp với các vai trò đa dạng<sup>25</sup>: một loạt các vai trò của các vị thế xã hội khác nhau là các vai trò đa dạng, ví dụ, một người nắm giữ các vị thế như bác sỹ, giáo sư, người cha, đảng viên sẽ thực hiện các vai trò đa dạng tương ứng với từng vị thế. Trong khi đó, vai trò - tập hợp là tập hợp các vai trò gắn với một vị thế xã hội nhất định chứ không phải với nhiều vị thế xã hội.

Điều quan trọng là Merton đã phân tích không phải một vai trò đơn lẻ mà một vai trò - tập hợp để làm rõ vai trò của vai trò qua đó chỉ ra các chức năng của lý thuyết trung gian trong khoa học xã hội. Là loại lý thuyết trung gian, một mặt, thuyết vai trò - tập hợp không phải là không nhất quán với những học thuyết lớn như học thuyết Mác, thuyết chức năng, thuyết hành vi xã hội và thuyết hệ thống xã hội của Parsons. Ví dụ, nhất quán với học thuyết Mác, lý thuyết trung gian về vai trò - tập hợp cho biết vị trí mà một người chiếm giữ trong cấu trúc xã hội sẽ quyết định vai trò - tập hợp của người đó và sự khác nhau đến mức mâu thuẫn và đối kháng về

lợi ích đều bắt nguồn từ sự khác nhau về vị thế xã hội trong cấu trúc xã hội vĩ mô. Mặt khác, lý thuyết trung gian về vai trò - tập hợp gợi ra một số hướng nghiên cứu thực nghiệm về các hợp phần của cấu trúc xã hội, các xung đột trong các vai trò - tập hợp và các cơ chế giải quyết các xung đột giữa các vai trò xã hội và các vị thế xã hội (xem sơ đồ).

Như vậy, Merton đã xuất phát từ một thực tế là một vị thế không chỉ có một vai trò mà một loạt vai trò gắn với vị thế của người đó trong mối tương tác với những người khác để đưa ra khái niệm vai trò-tập hợp và gợi mở những vấn đề mới có khả năng kích thích phát triển lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm. Merton đã triển khai khái niệm này thành lý thuyết trung gian về vai trò - tập hợp làm cầu nối giữa lý luận với thực tiễn, lý thuyết với giả thuyết được kiểm chứng trong nghiên cứu thực nghiệm xã hội học về vị thế và vai trò xã hội.



Sơ đồ: Lý thuyết về vai trò - tập hợp - cầu nối giữa nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm

<sup>24</sup> Robert K. Merton. *Sđd.* tr. 42.

<sup>25</sup> Robert K. Merton. *Sđd.* tr. 42.



**Tóm lại**

Có một thực tế là một số người sử dụng cụm từ “lý thuyết vị thế - vai trò xã hội” một cách trừu tượng, chung chung hoặc quá cụ thể kiểu kinh nghiệm hàng ngày hoặc chỉ đơn giản là bắt chước nhau mà không phân biệt được ít nhất ba biến thể của thuyết này trong khoa học xã hội hiện đại. Đó là lý thuyết hành vi xã hội về vị thế - vai trò của Linton, lý thuyết hệ thống xã hội về cấu trúc vai trò của Parsons và lý thuyết trung gian về vai trò - tập hợp của Merton. Ba lý thuyết này tạo nên những nấc thang phát triển lý thuyết về vị thế và vai trò mà bài viết này đã tập trung làm rõ để sinh viên tránh nhầm lẫn với khái niệm thường ngày, đồng thời qua đó có thể phát hiện ra những vấn đề mới và những hướng tiếp cận cần vận dụng nhằm đẩy mạnh nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm ở Việt Nam

hiện nay. Cần vận dụng các lý thuyết này để làm rõ sự biến đổi về vai trò của các nhóm xã hội, các giai tầng xã hội ở Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế tập trung - quan liêu - bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ví dụ, cần tìm hiểu sự biến đổi vai trò và mối quan hệ giữa vị thế và vai trò của doanh nhân và cán bộ công chức ở Việt Nam hiện nay. Câu hỏi nghiên cứu có thể cần nêu ra ở đây là: cần tạo ra những kỳ vọng nào về vai trò của doanh nhân để có thể nâng cao được vị thế của doanh nhân Việt Nam trong cấu trúc phân tầng xã hội ở Việt Nam? Có mâu thuẫn nào giữa vai trò công bộc của dân với vai trò tạo thu nhập cho cá nhân và gia đình của cán bộ, công chức? Và cơ chế giải quyết những mâu thuẫn đó là gì?